

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án
Kè khắc phục sạt lở bờ sông Bắc Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 và mưa lũ sau bão từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 327/TTr-SNNMT ngày 02/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Kè khắc phục sạt lở bờ sông Bắc Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn như sau:

- Tên dự án: Kè khắc phục sạt lở bờ sông Bắc Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.
- Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
 - Địa điểm xây dựng: huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.
 - Diện tích sử dụng đất: vĩnh viễn: 4,54ha; tạm thời: 3,67ha.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng:

5.1. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư phát triển công nghệ Việt Nga - Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng thủy lợi Lạng Sơn.

5.2. Tổ chức tư vấn lập khảo sát xây dựng:

- Khảo sát địa hình: Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Hà Nội.

- Khảo sát địa chất: Trung tâm khoa học và triển khai kỹ thuật thủy lợi.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

- Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính thuộc dự án: dự án nhóm C; Công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp IV.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế: từ 20 năm đến 50 năm.

7. Mục tiêu dự án: khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông, ổn định dòng chảy, bảo vệ dân cư, đất đai và các cơ sở hạ tầng thiết yếu, ổn định đời sống người dân trong khu vực.

8. Quy mô đầu tư; một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật của công trình chính thuộc dự án:

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng tuyến kè khắc phục sạt lở hai bên bờ sông Bắc Khê, huyện Tràng Định với tổng chiều dài khoảng $L=6.616,03\text{m}$, trong đó:

- Kè bờ trái: Chiều dài khoảng $3.078,2\text{m}$ gồm 3 đoạn:

+ Đoạn 1: Chiều dài khoảng $872,86\text{m}$ từ cọc TD6+29,7m đến cọc P10+38,7m.

+ Đoạn 2: Chiều dài khoảng $473,19\text{m}$ từ cọc TC11+49,3m đến cọc 25+20,35m.

+ Đoạn 3: Chiều dài khoảng $1.732,15\text{m}$ từ cọc P13+19,3m đến P26.

- Kè bờ phải: chiều dài khoảng $3.537,83\text{m}$, từ cọc TD6+51m đến cọc P26.

8.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu như sau

a) Kè bờ trái:

Kè dạng mái nghiêng kết hợp với tường đứng, bao gồm các bộ phận chân kè, mái kè, đỉnh kè và các công trình phụ trợ trên kè, cụ thể:

- Chân kè: Dạng tường đứng, cao độ đỉnh tường chân kè thay đổi dọc theo chiều dài tuyến kè: từ $+152,94\text{m}$ đến $+149,38\text{m}$; chiều cao tường từ $1,8\text{m}$ đến $2,9\text{m}$ (bao gồm cả bản đáy); chiều rộng bản đáy tường $1,6$ đến $2,4\text{m}$; kết cấu tường bằng BTCT M250 đổ liền khối; dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là $11,8\text{m}$ cấu tạo bằng giấy dầu tấm nhựa đường, bố trí các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; phía ngoài tường chân kè được gia cố bằng rọ thép đá học.

- Mái kè: hệ số mái $m=1,5$; Gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250 trong các ô khung dầm BTCT M250 đổ tại chỗ.

- Đỉnh kè: cao trình đỉnh kè bố trí phù hợp với địa hình tự nhiên để thoát nước mưa, mức mặt; cao trình đỉnh kè thay đổi từ +154,94m đến +150,58m. Dầm đỉnh kè bằng BTCT M250 kích thước (30x40)cm. Trên đỉnh kè bố trí đường quản lý vận hành kết hợp đường dạo rộng 1,50m kết cấu bằng bê tông M250 dày 15cm, dọc đỉnh kè bố trí gờ chắn bằng BTCT, rãnh thoát nước bố trí phía trong đường kích thước $B \times H = (40 \times 40)$ cm kết cấu bằng bê tông M250, nắp đậy bằng BTCT M250 đúc sẵn.

- Khóa đầu, cuối tuyến kè bằng tường BTCT M250. Chiều cao tường $H=1,0$ m. Chiều rộng đỉnh tường rộng 0,30m, đáy tường rộng 1,10m.

- Các công trình trên tuyến:

+ Xây dựng 11 công tiêu nước từ đỉnh kè hình thức công hộp bằng BTCT M250, kích thước công $B \times H = (0,8 \times 0,8)$ m và $(1,5 \times 1,5)$ m; phía trong có bố trí hố ga thu nước và nắp đậy hố ga bằng tấm BTCT đúc sẵn.

+ Bậc lên xuống sông: trung bình 200m bố trí 1 vị trí bậc, kích thước rộng 2,8m chạy suốt từ cao trình đỉnh mái kè xuống đỉnh chân kè, kết cấu bằng bê tông mác 250.

b) Kè bờ phải:

Kè dạng mái nghiêng kết hợp với tường đứng, bao gồm các bộ phận chân kè, mái kè, đỉnh kè và các công trình phụ trợ trên kè, cụ thể:

- Chân kè: Dạng tường đứng, cao độ đỉnh tường chân kè thay đổi dọc theo chiều dài tuyến kè: từ +153,0m đến +148,88m chiều cao tường từ $1,8 \div 2,3$ m (bao gồm cả bản đáy); chiều rộng bản đáy tường $1,6 \div 2,0$ m; kết cấu tường bằng BTCT M250 đổ liền khối; dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là 11,8m cấu tạo bằng giấy dầu tấm nhựa đường, bố trí các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; phía ngoài tường chân kè được gia cố bằng rọ thép đá hộc.

- Mái kè: hệ số mái $m=1,5$; gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250 trong các ô khung dầm BTCT M250 đổ tại chỗ.

- Đỉnh kè: cao trình đỉnh kè bố trí phù hợp với địa hình tự nhiên để thoát nước mưa, mức mặt; cao trình đỉnh kè thay đổi từ +154,2m đến +150,16m. Dầm đỉnh kè bằng BTCT M250 kích thước (30x40)cm. Trên đỉnh kè bố trí đường quản lý vận hành kết hợp đường dạo rộng 1,50m kết cấu bằng bê tông M250 dày 15cm, dọc đỉnh kè bố trí gờ chắn bằng BTCT, rãnh thoát nước bố trí phía trong đường kích thước $B \times H = (40 \times 40)$ cm kết cấu bằng bê tông M250, nắp đậy bằng BTCT M250 đúc sẵn.

- Khóa đầu, cuối tuyến kè bằng tường BTCT M250. Chiều cao tường $H=1,0$ m. Chiều rộng đỉnh tường rộng 0,30m, đáy tường rộng 1,10m.

- Các công trình trên tuyến:

+ Xây dựng 5 công tiêu nước từ đỉnh kè hình thức công hộp bằng BTCT

M250, kích thước cống BxH = (0,8x0,8)m và (1,5x1x5)m; phía trong có bố trí hố ga thu nước và nắp đậy hố ga bằng tấm BTCT đúc sẵn.

+ Xây dựng 01 cống thoát nước khe suối kích thước cống BxH = (2,5x3,0)m kết cấu bằng bằng BTCT M250.

+ Xây dựng 6 cống tiêu nước từ đỉnh kè hình thức cống hộp bằng BTCT M250, kích thước cống BxH = (0,8x0,8)m và (1,5x1,5)m và (3,0x2,5)m; phía trong có bố trí hố ga thu nước và nắp đậy hố ga bằng tấm BTCT đúc sẵn.

+ Bậc lên xuống sông: trung bình 200m bố trí 1 vị trí bậc, kích thước rộng 2,8m chạy suốt từ cao trình đỉnh mái kè xuống đỉnh chân kè, kết cấu bằng bê tông mác 250.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 04-05:2022/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 12845:2020, Công trình thủy lợi: thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật;

- TCVN 8419: 2022, công trình bảo vệ đê, bờ sông - yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9902: 2016, Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;

- TCVN 8422: 2010, Công trình Thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- TCVN 9152: 2012, Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;

- TCVN 4447: 2012, Công tác đất – Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8421: 2010, Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác động lên công trình Thủy lợi do sóng và tàu”;

- TCVN 4116: 2023, Công trình thủy lợi – Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9159: 2022, Công trình thủy lợi – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu khớp nối;

- TCVN 9162: 2012, Công trình thủy lợi - Đường thi công - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8217: 2009, Đất xây dựng công trình thủy lợi;

- TCVN 10335:2014, Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới đục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy – Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 9165:2012, Công trình Thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;

- TCVN 4253: 2022, Nền các công trình Thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2737: 2020, Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9844-2013, Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu;

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **139.000.000.000 đồng**, trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng: 18.320.444.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 102.369.945.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 1.866.356.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư: 8.066.836.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.761.140.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 6.615.279.000 đồng;

12. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025.

13. Nguồn vốn đầu tư: Dự phòng ngân sách trung ương năm 2024.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, UBND huyện Trảng Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HĐN).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền